

# NHẬN THỨC VÀ PHẢN HỒI CỦA SINH VIÊN VỀ MÔ HÌNH “HỌC CÙNG CỘNG ĐỒNG”

Trương Thị Xuân Huyền, Thái Tôn Phùng Diễm,  
Hoàng Thị Khánh Tâm, Trần Thị Lệ Ninh\*

## ABSTRACT

*The application of service learning (SL) will enhance students' role in the process of self-construction of knowledge. At the same time, the application of SL will change lecturers' role from the central position of teaching to the position of being a leader, guiding and supporting students to solve tasks and problems occurring outside of the classroom. In the community, students will be aware of many benefits for students, for universities and for the community as a whole. However, there are still many difficulties in the implementation and application, so guidance and advice from lecturers are needed to help students approach the community better and more effectively. Finally, the application of SL in teaching at universities and colleges will be in line with the development trend of education in general and higher education in particular. That is the learner-centered approach, the move from individual work to collaboration and interdisciplinary collaboration, the shift from an isolated, detached higher education position to a democratic, public approach in learning.*

**Keywords:** Service learning, service, Hue University

Ngày nhận bài: 15/6/2021; Ngày phản biện: 16/6/2021; Ngày duyệt đăng

### 1. Đặt vấn đề

Chất lượng giáo dục luôn là mục tiêu hàng đầu của các trường đại học. Để đạt được mục tiêu đó đòi hỏi người dạy phải luôn đổi mới phương pháp truyền đạt, tìm kiếm và áp dụng những phương pháp giảng dạy hiện đại, tích cực, khuyến khích khả năng học tập chủ động của người học. Mô hình học cùng cộng đồng đã trở nên khá phổ biến với nền giáo dục ĐH tại nhiều quốc gia trên thế giới, tuy nhiên ở Việt Nam mô hình này còn khá xa lạ. Theo mô hình này, người học áp dụng kiến thức vào thực tế, kết quả của quá trình học tập hướng đến nhu cầu cộng đồng, giúp cho họ hoàn thiện các kỹ năng sống, ứng xử vẫn chưa được chú trọng giảng dạy tại nhà trường. Cộng đồng được chọn trong nghiên cứu này là những bệnh nhi của bệnh viện Trung ương Huế, nơi mà các em đang cần sự khích lệ tinh thần hơn bao giờ hết. Do đó mô hình học cùng cộng đồng tại bệnh viện Trung ương Huế không chỉ giúp các bệnh nhi có thêm kiến thức mà qua đó còn giáo dục các em có ý thức trách nhiệm hơn với bản thân, gia đình và xã hội.

### 2. Nội dung nghiên cứu

#### 2.1. Thực trạng nhận thức của sinh viên (SV) về học cùng cộng đồng tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

Chỉ tiêu giá trị trung bình được sử dụng để đánh

giá mức độ nhận thức học cùng cộng đồng tại trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Nghiên cứu này sử dụng thang đo Likert 5 điểm, do đó dễ thuận lợi cho việc nhận xét, tác giả có một số quy ước sau:

- + Điểm trung bình < 3.00: mức thấp
- +  $3.00 \leq$  Điểm trung bình  $\leq 3.25$ : mức trung bình
- +  $3.26 \leq$  Điểm trung bình  $\leq 3.50$ : mức khá
- +  $3.51 \leq$  Điểm trung bình  $\leq 3.75$ : mức khá cao
- +  $3.76 \leq$  Điểm trung bình  $\leq 4.00$ : mức cao
- + Điểm trung bình > 4.00: mức rất cao

#### 2.2 Sự cần thiết của SL đối với các tổ chức và cộng đồng

Bảng 2.1: Nhận thức của SV về sự cần thiết của SL đối với các tổ chức và cộng đồng

Yếu tố	CT1	CT2	CT3	CT4	CT5
Giá trị hợp lệ	43	43	43	43	43
Giá trị khuyết	0	0	0	0	0
Giá trị trung bình	3,72	4,07	3,81	4,14	3,09
Độ lệch chuẩn	1,368	1,352	1,160	0,861	1,411

(Nguồn: Tác giả khảo sát)

Từ kết quả thống kê bảng trên ta có thể thấy nhận thức của SV về sự cần thiết của SL đối với các tổ chức và cộng đồng đối với từng yếu tố theo thứ tự giảm dần là CT4 → CT2 → CT3 → CT1 → CT5 trong đó yếu tố CT5 được SV hài lòng ở mức trung bình với điểm trung bình trên 3,0. Hai yếu tố CT1, CT3 được SV hài lòng ở mức độ khá cao (có điểm

\* Khoa tiếng Anh, trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

trung bình trên 3,6). Hai yếu tố CT2, CT4 được SV hài lòng ở mức rất cao với điểm trung bình trên 4,0, theo đó cho ta thấy SV có nhận thấy sự cần thiết của SL đối với các tổ chức và cộng đồng. Vai trò của địa phương trong đào tạo rất quan trọng đối với nhà trường vì môi trường địa phương sẽ hỗ trợ cho người học kinh nghiệm làm việc và góp phần điều chỉnh chương trình đào tạo của nhà trường.

**2.3. Nhận thức về lợi ích của việc học cùng cộng đồng**

*Bảng 2.2: Nhận thức của SV về lợi ích của việc học cùng cộng đồng*

Yếu tố	LICD1	LICD2	LICD3	LICD4	LICD5
Giá trị hợp lệ	43	43	43	43	43
Giá trị khuyết	0	0	0	0	0
Giá trị trung bình	3,51	3,51	3,40	3,84	3,21
Độ lệch chuẩn	1,47	1,387	1,561	0,974	1,372

(Nguồn: Tác giả khảo sát)

Từ kết quả thống kê bảng trên ta có thể thấy nhận thức của SV về lợi ích của việc học cùng cộng đồng đối với từng yếu tố theo thứ tự giảm dần là LICD4 → LICD1 → LICD2 → LICD3 → LICD5 trong đó yếu tố LICD5 được SV hài lòng ở mức trung bình với điểm trung bình trên 3,0. Yếu tố LICD3 được SV hài lòng ở mức khá (có điểm trung bình trên 3,26). Hai yếu tố LICD1, LICD2 được SV hài lòng ở mức độ bằng nhau ở mức khá cao (có điểm trung bình trên 3,51). Yếu tố LICD 4 được SV hài lòng ở mức cao (có điểm trung bình trên 3,76). Theo đó cho ta thấy SV có nhận thấy lợi ích của việc học cùng cộng đồng. Cộng đồng chính là đối tượng thụ hưởng trực tiếp những thành quả mà SV đạt được. Hay về góc độ nhân lực, SV tham gia SL sẽ trở thành nguồn nhân lực trẻ, tích cực, chủ động học hỏi và sẵn sàng hỗ trợ, phục vụ cộng đồng. Ngoài ra, với vai trò tương tác, cộng đồng cũng trở thành nơi giúp SV kiểm chứng kiến thức, tích lũy kinh nghiệm và đề xuất những hướng đi mới cho chính cộng đồng mà SV phục vụ thông qua những cách tiếp cận mới. Hơn nữa, cộng đồng có xu hướng trở thành đối tác liên kết với các cơ sở đào tạo trong nhiều hoạt động khác nhau.

**2.4. Nhận thức về lợi ích đối với các trường đại học**

*Bảng 2.3: Nhận thức của SV về lợi ích đối với các trường đại học*

	LIDH1	LIDH2	LIDH3	LIDH4
--	-------	-------	-------	-------

Giá trị hợp lệ	43	43	43	43
Giá trị khuyết	0	0	0	0
Giá trị trung bình	3,79	2,98	3,05	3,53
Độ lệch chuẩn	1,319	1,725	1,479	1,667

(Nguồn: Tác giả khảo sát)

Từ kết quả thống kê bảng trên ta có thể thấy nhận thức của SV về lợi ích của việc học cùng cộng đồng đối với các trường đại học, xét từng yếu tố theo thứ tự giảm dần là LIDH1 → LIDH4 → LIDH3 → LIDH2 trong đó yếu tố LIDH2 được SV hài lòng ở mức thấp với điểm trung bình dưới 3,0. Yếu tố LIDH3 được SV hài lòng ở mức trung bình (có điểm trung bình trên 3,0). Yếu tố LIDH4 được SV hài lòng ở mức khá cao (có điểm trung bình trên 3,51). Yếu tố LIDH1 được SV hài lòng ở mức cao (có điểm trung bình trên 3,76). Theo đó cho ta thấy SV có nhận thấy lợi ích của việc học cùng cộng đồng đối với các trường đại học. SV tự nguyện tham gia, giải quyết vấn đề của cộng đồng, áp dụng các kiến thức được học. Cải thiện các kỹ năng học thuật cơ bản và thúc đẩy sự hiểu biết sâu sắc hơn về chủ đề môn học và mối quan hệ của nó đối với xã hội. Trong quá trình học cùng cộng đồng, SV nhận được sự phản hồi từ cộng đồng, tạo điều kiện cho việc sử dụng các kỹ năng tư duy ở bậc cao hơn và phát triển khả năng học tập của SV từ kinh nghiệm. Sự phản hồi một cách cân trọng thúc đẩy sự phát triển cá nhân bằng cách nâng cao nhận thức của SV, ý thức cộng đồng, và ý thức về tiềm năng của chính họ, khiến họ hài lòng hơn khi học tại trường.

**2.5. Nhận thức về lợi ích đối với SV**

**Bảng 2.4: Nhận thức của SV về lợi ích đối với SV**

	LISV1	LISV2	LISV3	LISV4	LISV5	LISV6
Giá trị hợp lệ	43	43	43	43	43	43
Giá trị khuyết	0	0	0	0	0	0
Giá trị trung bình	3,77	4,02	3,98	3,65	3,86	4,23
Độ lệch chuẩn	1,461	1,354	1,354	1,660	1,473	1,151

(Nguồn: Tác giả khảo sát)

Từ kết quả thống kê bảng trên ta có thể thấy nhận thức của SV về lợi ích của việc học cùng cộng đồng đối với các SV, xét từng yếu tố theo thứ tự giảm dần là LISV6 → LISV2 → LISV3 → LISV5 → LISV1 → LISV4, trong đó:

+ Yếu tố LISV4 được SV hài lòng ở mức khá cao

với điểm trung bình trên 3,51.

+ Yếu tố LIDH1, LIDH3, LIDH5 được SV hài lòng ở mức cao (có điểm trung bình trên 3,76).

+ Yếu tố LIDH2, LIDH6 được SV hài lòng ở mức rất cao (có điểm trung bình trên 4,0).

Theo đó cho ta thấy SV có nhận thấy lợi ích của việc học cùng cộng đồng đối với các trường đại học. Mô hình học cùng cộng đồng mục tiêu là dạy tiếng Anh cho người mới bắt đầu, các từ vựng thường thức, kết hợp trò chơi với học từ vựng góp phần làm yêu thích học tiếng Anh cho các em nhỏ. Mục tiêu chung là kết hợp vừa chơi vừa học, rèn luyện các kỹ năng sống, ý thức về cộng đồng và quan trọng là truyền cảm hứng học tập cho thế hệ tương lai. Thông qua đó, chương trình còn góp phần rèn luyện kỹ năng mềm cho các SV tham gia như việc ứng dụng kiến thức từ giảng đường đại học vào thực tế, cách soạn bài giảng, giáo án, phong cách đứng lớp, nói chuyện, truyền cảm hứng.

### 2.6. Nhận thức về những khó khăn khi thực hiện học tập cùng cộng đồng

Bảng 2.5: Nhận thức của SV về khó khăn

	KK1	KK2	KK3	KK4	KK5	KK6	KK7
Giá trị hợp lệ	43	43	43	43	43	43	43
Giá trị khuyết	0	0	0	0	0	0	0
Giá trị trung bình	3,93	3,79	3,58	3,98	3,86	3,77	4,23
Độ lệch chuẩn	1,203	1,582	1,776	1,144	1,473	1,324	0,868

(Nguồn: Tác giả khảo sát)

Từ kết quả thống kê bảng trên ta có thể thấy nhận thức của SV về khó khăn của việc học cùng cộng đồng, xét từng yếu tố theo thứ tự giảm dần là KK7 → KK4 → KK1 → KK5 → KK2 → KK6 → KK3, trong đó:

+ Yếu tố KK3 được SV hài lòng ở mức khá cao với điểm trung bình trên 3,51.

+ Yếu tố KK6, KK2, KK5, KK1, KK4 được SV hài lòng ở mức cao (có điểm trung bình trên 3,76).

+ Yếu tố KK7 được SV hài lòng ở mức rất cao (có điểm trung bình trên 4,0).

Theo đó cho ta thấy SV có nhận thấy khó khăn của việc học cùng cộng đồng. Cơ sở vật chất tại cộng đồng chưa đáp ứng được nhu cầu của người dạy và học, hạn chế trong việc tổ chức các hoạt động. Một số tư liệu và tài liệu tham khảo của trường chưa đáp ứng nhu cầu của dự án.

### 3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, các SV đa phần

nhận thức được những lợi ích và khó khăn khi tham gia học cùng cộng đồng. Các SV thống nhất với ý kiến mối quan hệ giữa các trường đại học và cộng đồng có thể được tăng cường thông qua SL, SL thúc đẩy sứ mệnh gắn kết cộng dân của các trường đại học và cải thiện các mối quan hệ của địa phương, SL có thể tăng tính đa dạng trong lớp học bằng cách cung cấp nhiều phong cách học tập khác nhau, SL có thể cải thiện sự tự tin của SV để giải quyết các vấn đề xã hội và nâng cao nhận thức về kỹ năng lãnh đạo của họ. Điều này cho thấy, các SV đều cho rằng SL là phương pháp có nhiều ưu điểm nổi bật, đáng được vận dụng và triển khai cho nhiều môn học trong chương trình đào tạo tại trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế nói chung và học phần Speaking nói riêng. Tùy thuộc vào từng ngành nghề, môn học cụ thể, giảng viên có thể xây dựng kế hoạch, áp dụng các bước thực hiện và các mô hình phù hợp, nhằm đảm bảo hoạt động giảng dạy, học tập đạt hiệu quả thực sự, để hướng đến mục tiêu học tập và phục vụ cộng đồng. Tuy nhiên khi lồng ghép phương pháp học cùng cộng đồng vào chương trình giảng dạy thì

vẫn còn gặp phải một số khó khăn do quy mô lớp còn đông, SV chưa quen với phương pháp học mới, giảng viên chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc triển khai, phương pháp học cùng cộng đồng đòi hỏi cả giảng viên và SV phải đầu tư rất nhiều thời gian, cộng đồng không sẵn sàng hợp tác.

### Tài liệu tham khảo

1. Bringle, R., & Hatcher, J. (1999). Reflection in Service-learning: Making meaning of experience. *Educational Horizons*, 77(4), 179-185.
2. Carney, T. (2004). Reaching Beyond Borders through Service-learning. *Journal of Latinos and Education*, 3(4), 267-271.
3. Jorge, E. (2006). A journey home: Connecting Spanish-speaking communities at home and abroad. *Hispania*, 89(1), 110-22.
4. Morris, F. (2001). Serving the community and learning a foreign language: Evaluating a service-learning programme. *Language, Culture, and Curriculum*, 14(3), 244-255.
5. Plann, S. (2002). Latinos and literacy: An upper-division Spanish course with service-learning. *Hispania*, 85(2), 330-338.